

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NINH GIANG
TỈNH HẢI DƯƠNG**

Bản án số: 03/2025/DS-ST
Ngày: 09/6/2025
“Về việc Tranh chấp Hợp đồng vay
tài sản”

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH GIANG, TỈNH HẢI DƯƠNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Quý Long.

Các Hội thẩm nhân dân:

- 1. Ông Trịnh Viết Xây;**
- 2. Ông Triệu Ngọc Vạn.**

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Hải Loan- Thư ký Toà án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Thành Trung - Kiểm sát viên

Ngày 09 tháng 6 năm 2025, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Ninh Giang xét xử sơ thẩm, công khai vụ án dân sự đã thụ lý số 18/2025/TLST-DS ngày 14/3/2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2025/QĐXXST-DS ngày 28/4/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2025/QĐST- DS ngày 23/5/2025, Thông báo thay đổi thời gian mở lại phiên tòa ngày 26/5/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H (Nguyễn Thị H. Đ), sinh năm 1977;

Địa chỉ: Đội 3, thôn Đ, xã K, huyện N, tỉnh Hải Dương.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh Đỗ Quốc V, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Chu Văn H1- Luật sư Công ty Luật TNHH Dân Việt- Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội.

Địa chỉ: Phòng 503, nhà N07, ngõ 12 phố TQK, phường D, quận C, thành phố Hà Nội.

(Vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Chị Đặng Bích T, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Đội 3, thôn Đ, xã K, huyện N, tỉnh Hải Dương.

(Vắng mặt lần thứ 2).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/12/2024, bản trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị và Chị Đặng Bích T là bạn học cùng cạnh nhà nhau, qua nhiều lần gặp chị T cho biết gia đình chị T khó khăn về kinh tế sau đó chị T sang nhà có hỏi vay chị số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng chẵn) và nói khi nào chị cần lại số tiền thì chị T sẽ gửi và trả lãi theo lãi suất ngân hàng. Lần đó vì tin tưởng nhau cho nên ngày 12/01/2015 chị có đưa cho chị T số tiền mặt là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng chẵn) và viết giấy vay tiền cam kết đến ngày 12/01/2016 gửi trả lại số tiền trên và tự nguyện trả lãi suất là 1,1%/1 tháng trước sự chứng kiến có xác nhận đóng dấu của UBND xã H. Chị T cam kết: sau ngày 12/01/2016 nếu không hoàn trả số tiền đúng ngày như cam kết thì chị T tự nguyện chịu phạt gấp 10 lần như đã viết trên văn bản. Đến tháng 02/2016 khi chị cần đến số tiền chị đã yêu cầu chị T hoàn trả lại số tiền đã vay, chị T đều lấy lý do lúc con nhỏ và lúc kinh tế khó khăn cứ như vậy loay quanh mãi không chịu trả tiền.

Chị đã nhiều lần gọi điện cho chị T để yêu cầu chị T trả tiền nhưng chị T không nghe máy, tắt máy, chuyển sang dùng số điện thoại khác. Chị sang nhà chị T để yêu cầu trả lại số tiền vay nhưng chị T gây khó dễ, không tiếp, lảng tránh, vắng mặt ở nhà, bỏ đi làm ăn ở nơi khác. Do vậy, chị có đơn khởi kiện:

1. Buộc Chị Đặng Bích T phải trả lại cho chị số tiền vay còn lại là: 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng chẵn).

2. Buộc chị T thanh toán lãi chậm trả tính từ ngày 12/01/2015 đến ngày 24/4/2025 là tương đương 10 năm 03 tháng 12 ngày với số tiền là $(100.000.000 \times 10\% \times 10) + (100.000.000 \times 10\% \times 3/12) + (100.000.000 \times 10\% \times 12/365) = 100.000.000 + 2.500.000 + 328.767 = 102.828.767$ đồng (Một trăm linh hai triệu tám trăm hai mươi tám nghìn bảy trăm sáu mươi bảy đồng). Tổng số tiền yêu cầu Chị Đặng Bích T phải trả cho chị là $(1) + (2) = 100.000.000 + 102.828.767 = 202.828.767$ đồng (Hai trăm linh hai triệu tám trăm hai mươi tám nghìn bảy trăm sáu mươi bảy đồng). Kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm chị T còn phải thanh toán lãi chậm trả trên số tiền phải thi hành án đến ngày hoàn thành nghĩa vụ với lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Bị đơn Chị Đặng Bích T: Quá trình giải quyết, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa; giấy triệu tập chị T đến làm việc, tham gia phiên họp, phiên tòa song chị đều vắng mặt không có lý do. Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ do phía nguyên đơn cung cấp để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà: Nguyên đơn vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do;

Tại đơn xét xử vắng mặt nguyên đơn sửa đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án Buộc Chị Đặng Bích T phải có nghĩa vụ thanh toán trả nợ cho chị số tiền vay còn lại là: 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng chẵn).

2. Buộc Chị Đặng Bích T thanh toán lãi chậm trả tính từ ngày 12/01/2015 đến ngày 01/01/2017) là 02 năm 11 ngày với số tiền lãi = $(100.000.000 \times 9\% \times 2) + (100.000.000 \times 9\% \times 11/365)$ 18.000.000 + 271,232 = 18.271.232 đồng.

3. Buộc Chị Đặng Bích T thanh toán lãi chậm trả tính từ ngày 01/01/2017 đến ngày sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện ngày 27/5/2025) là 08 năm 04 tháng 26 ngày với số tiền lãi = $(100.000.000 \times 10\% \times 8) + (100.000.000 \times 10\% \times 4/12) + (100.000.000 \times 10\% \times 26/365)$ = 80,000,000+ 3.333.333 + 712.329 = 84.045.662 đồng.

Buộc Chị Đặng Bích T phải thanh toán lãi chậm trả đến ngày xét xử sơ thẩm. Kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm chị T còn phải thanh toán lãi chậm trả trên số tiền phải thi hành án đến ngày hoàn thành nghĩa vụ với lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Tổng số tiền chị yêu cầu chị T hoàn trả là $(1) + (2) + (3) = 100.000.000 + 18.271.232 + 84.045.662 = 202.316.894$ đồng (Hai trăm linh hai triệu ba trăm mười sáu nghìn tám trăm chín mươi tư đồng).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang có quan điểm xác định việc Tòa án thụ lý, quá trình giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX): Áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228; Điều 238 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS); Điều 305, Điều 471, Điều 474, Điều 476, 477, 478 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, điểm đ khoản 1 Điều 12- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về... án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị HĐXX tuyên: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H. Buộc Chị Đặng Bích T phải có nghĩa vụ thanh toán cho chị Nguyễn Thị H số tiền vay là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng). Buộc Chị Đặng Bích T có nghĩa vụ thanh toán lãi chậm trả tính từ ngày 13/01/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm (09/6/2025) là 93.115.000 đồng. Tổng số tiền Chị Đặng Bích T có nghĩa vụ thanh toán trả cho chị Nguyễn Thị H là 193.115.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm chín mươi ba triệu một trăm mười lăm nghìn đồng). Kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm Chị Đặng Bích T còn phải thanh toán tiền lãi chậm trả

trên số tiền phải thi hành án đến ngày hoàn thành nghĩa vụ với lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Về án phí: Chị Đặng Bích T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 9.655.753 đồng. Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí trên phần chênh lệch không được chấp nhận. Hoàn trả số tiền chị H đã nộp tạm ứng án phí là 2.500.000 đồng nộp tại Chi cục THADS huyện Ninh Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập Chị Đặng Bích T đến làm việc, tham gia phiên họp, phiên tòa song chị đều vắng mặt không có lý do. Chị Nguyễn Thị H đề nghị không tiến hành hòa giải; Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập nguyên đơn và bị đơn. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên vụ án không tiến hành hòa giải được và xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định tại các điều 207, 227 và Điều 228 BLTTDS.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Về pháp luật áp dụng: Vụ án được thụ lý ngày 14/3/2025 thời điểm Bộ luật Dân sự năm 2015 đã có hiệu lực áp dụng (từ ngày 01/01/2017). Tuy nhiên, quan hệ vay nợ được xác lập vào năm 2015. Căn cứ Điều 668 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 2 Nghị quyết số 01/2019/NQ- HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán - Tòa án nhân dân tối cao. HĐXX áp dụng các quy định của pháp luật nội dung theo Bộ luật Dân sự năm 2005 để giải quyết.

[2.1] Về yêu cầu đòi số nợ gốc: Tại giấy vay tiền lập vào hồi 16 giờ ngày 12/01/2015 Chị Đặng Bích T có vay của chị Nguyễn Thị H số tiền 100.000.000 đồng. Giấy vay tiền trên có xác nhận của Đại diện UBND xã H (nay là K) huyện N, tỉnh Hải Dương.

Giao dịch giữa các bên là sự thỏa thuận, tự nguyện, không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội, đảm bảo quy định tại Điều 388, 389 và 471 BLDS năm 2005. Do đó nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*) là có cơ sở.

[2.2] Về số tiền lãi: Tại giấy vay tiền không có thỏa thuận về lãi suất nhưng có thỏa thuận về thời hạn trả tiền là ngày 12/01/2016 nên HĐXX xác định là Hợp đồng vay tài sản (tiền) có kỳ hạn và không có lãi nên căn cứ vào

Điều 477 BLDS năm 2005 và 469 BLDS năm 2015 để tính lãi và chốt ngày 13/01/2016 là sau ngày bị đơn cam kết trả nợ số tiền gốc 100.000.000 đồng cho nguyên đơn.

Cụ thể, số lãi sẽ được tính như sau: Từ ngày 13/01/2016 đến ngày 31/12/2016 là: $(100.000.000 \text{ đồng (tiền gốc)} \times 353 \text{ ngày} \times 9\%) : 365 \text{ ngày} = 8.704.109 \text{ đồng}$. Từ ngày 01/01/2017 đến 09/6/2025 là: $100.000.000 \text{ đồng (tiền gốc)} \times 3080 \text{ ngày} \times 10\%) : 365 \text{ ngày} = 84.383.561 \text{ đồng}$; Tổng số tiền lãi là: 93.087.670 đồng.

Tiền lãi suất chậm trả tính từ ngày 12/01/2015 đến ngày 01/01/2017 + tiền lãi suất chậm trả tính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 27/5/2025 + tiền lãi suất chậm trả tính từ ngày 28/5/2025 đến ngày 09/6/2025 phía nguyên đơn yêu cầu là: 18.271.232 đồng + 84.045.662 đồng + 356.164 đồng = 102.673.058 đồng.

Vậy số tiền lãi chênh lệch của nguyên đơn không được chấp nhận là 9.585.388 đồng.

Do đó chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xác định tổng số tiền gốc và lãi chị Đặng Thị Thu có nghĩa vụ thanh toán trả cho chị Nguyễn Thị H số tiền là 193.087.000 đồng (*Một trăm chín mươi ba triệu không trăm tám mươi bảy nghìn đồng*). (Đã làm tròn)

[3] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H được chấp nhận một phần nên chị H phải chịu án phí sơ thẩm dân sự trên phần không được chấp nhận.

Chị Đặng Bích T có nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi suất nên phải chịu án phí sơ thẩm dân sự có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 305, Điều 471, Điều 474, Điều 476, 477. 478 của Bộ luật dân sự năm 2005; các Điều 357, 468 và 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ- HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H.

Buộc chị Đặng Bích T phải có nghĩa vụ thanh toán trả cho chị Nguyễn Thị H số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng và số tiền lãi là 93.087.000 (đã làm tròn).

Tổng cộng là: **193.087.000** đồng (*Một trăm chín mươi ba triệu không trăm tám mươi bảy nghìn đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án không thi hành thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đặng Bích T phải chịu án phí dân sự có giá ngạch là 9.654.000 đồng (*Chín triệu sáu trăm năm mươi tư nghìn đồng*) (đã làm tròn).

Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự giá ngạch trên phần không được chấp nhận là 479.000 đồng (đã làm tròn). Đối trừ với số tiền 2.500.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương theo biên lai thu số BLTU/24/0001557, ngày 12/3/2025. Hoàn trả lại chị Nguyễn Thị H số tiền 2.021.000 đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Bùi Quý Long